TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 02 – 4 – 2019
V/v "Tranh chấp của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Kha
2. Ông Nguyễn Hoàng Dân

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Phan Thị Thúy An, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà: Bà Tiết Ánh Hồng – Kiểm sát viên (có mặt).

Ngày 02 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2019 về việc "Tranh chấp của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 210/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự.

- *Nguyên đơn:* Chị Đinh Mỹ L, sinh năm: 1979 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp 3, xã Phong Thạnh A, thị xã Giá R, tỉnh B.

- *Bị đơn:* Anh Đặng Văn E, sinh năm: 1978 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp 8, xã An X, thành phố C, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn, bị đơn và tại phiên toà, chị Đinh Mỹ L trình bày quan điểm và yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Chị và anh Đặng Văn E xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau từ năm 1995, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán, không đăng ký kết hôn theo luật định. Trong quá trình chung sống, chị cho rằng vợ,

chồng luôn bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cải, không thể hòa hợp được với nhau. Trên thực tế, anh, chị không còn chung sống vợ, chồng từ nhiều năm nay.

Từ nội dung trên, chị nhận thấy tình cảm của chị và anh Đặng Văn E không còn, không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống và duy trì mối quan hệ vợ chồng được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Văn E.

- Về con chung: Chị xác định giữa chị và anh Đặng Văn E có 02 người con chung là Đặng Văn Đại, sinh năm 1997 và Đặng Thảo Nhi, sinh năm 2000, hiện các con của chị với anh Đặng Văn E đã thành niên nên chị không đặt ra yêu cầu nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị xác định giữa chị và anh Đặng Văn E không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị L khai rằng giữa chị và anh Văn E không có nợ chung và không ai nợ lại anh, chị.

Trong biên bản hoà giải ngày 01/3/2019, anh Đặng Văn E trình bày: Anh và chị L xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau từ năm 1995, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã An Xuyên, thành phố C nhưng giấy chứng nhận kết hôn hiện đã thất lạc. Trong quá trình chung sống, giữa vợ, chồng anh luôn bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cải, không thể hòa hợp được với nhau. Trên thực tế, anh, chị không còn chung sống vợ, chồng từ nhiều năm nay. Do đó, việc chị L xin ly hôn anh đồng ý. Đối với con chung là Đặng Văn Đại, sinh năm 1997 và Đặng Thảo Nhi, sinh năm 2000, hiện các con của anh với chị L đã thành niên nên không đặt ra yêu cầu nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung anh xác định không có.

Do bận việc làm ăn nên anh xin được vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự: Anh Đặng Văn E có yêu cầu vắng mặt trong phiên toà xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Đặng Văn E theo luật định. Về loại việc và thẩm quyền của Toà án: Tranh chấp giữa chị Đinh Mỹ L và anh Đặng Văn E là "Tranh chấp của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn" nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân được quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Trên thực tế, chị Đinh Mỹ L và anh Đặng Văn E có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán, có chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 đến năm 2012. Theo chị L trình bày, giữa chị và anh Văn E không đăng ký kết hôn; còn anh Văn E cho rằng giữa anh và chị L có đăng ký kết hôn nhưng giấy chứng nhận kết hôn đã bị thất lạc. Xét thấy, anh Văn E sinh năm 1978, chị L sinh năm 1979, anh, chị chung sống vợ chồng năm 1995, lúc đó anh Văn E chỉ 17 tuổi, chị L mới 16 tuổi nên không đủ điều kiện để đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986. Mặt khác, tại văn bản số 71/UBND ngày 26/3/2019 của Uỷ ban nhân dân xã An Xuyên thành phố Cà Mau xác định không

tìm thấy hồ sơ đăng ký kết hôn của bà Đinh Mỹ L và ông Đặng Văn E. Vì vậy, không có cơ sở xác định chị L và anh Văn E có đăng ký kết hôn. Do đó, quan hệ hôn nhân của chị L và anh Văn E đã vi phạm về đăng ký kết hôn được quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Cho nên việc kết hôn là không thỏa mãn về mặt hình thức, nay anh, chị yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân do có nhiều mâu thuẫn, về mục đích hôn nhân không đạt. Bởi lẽ, trong thời gian chung sống, anh, chị luôn bất đồng quan điểm trong sinh hoạt gia đình và không tin tưởng nhau rồi thường xuyên cải vã, gây bất hòa với nhau mà không bên nào có biện pháp gì để khắc phục tình trạng mâu thuẫn. Bên cạnh đó, chị L và anh Văn E đều xác định tình cảm vợ, chồng không còn nên anh, chị đã tự ly thân từ năm 2012 đến nay.

Theo tinh thần tại điểm b khoản 3 của Nghị quyết 35 của Quốc hội quy định: Kể từ ngày 01/01/2001 trở đi, nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là vợ chồng; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì Tòa án áp dụng khoản 2 và khoản 3 Điều 17 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết. Mặt khác, căn cứ khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01 ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp thì trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ. Nếu có yêu cầu Tòa án giải quyết về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con ... thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét mâu thuẫn thực tế của vợ, chồng anh, chị đến mức trầm trọng, đời sống chung hiện tại cũng không còn nên mục đích hôn nhân không đạt được, đồng thời hôn nhân có vi phạm về mặt hình thức nên không được công nhận là vợ, chồng.

[3] Về con chung: Anh, chị xác định có 02 người con chung là Đặng Văn Đại, sinh năm 1997 và Đặng Thảo Nhi, sinh năm 2000, hiện các con của chị với anh Đặng Văn E đã thành niên nên anh, chị không đặt ra yêu cầu nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Chị L và anh Văn E xác định giữa chị và anh Đặng Văn E không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị L và anh Văn E khai rằng giữa anh, chị không có nợ chung nên không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị L và anh Văn E được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Về nội dung: Đề nghị không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị

Định Mỹ L và anh Đặng Văn E. Xét thấy, quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 9, Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01 ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp;

- Căn cứ khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và L phí Toà án.

1 - Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đinh Mỹ L và anh Đặng Văn E.

2 - Về con chung: Cháu Đặng Văn Đại, sinh năm 1997 và Đặng Thảo Nhi, sinh năm 2000 đã thành niên nên không đặt ra trách nhiệm nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

3 - Về tài sản chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

4 - Về nợ chung: Chị L và anh Văn E khai không thiếu nợ ai và không ai nợ lại anh, chị nên không đề cập giải quyết.

5 - Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị L phải chịu 300.000đ, ngày 13 tháng 02 năm 2019, chị L đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau theo biên lai số: 2025 được đối trừ chuyển thu sung công quỹ nhà nước.

6 - Về quyền kháng cáo: Chị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đặng Văn E được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Tp.Cà Mau;
- THADS Tp.Cà Mau;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hứa Minh Hải